

Số: 223/2024/QĐST-HNGĐ

Đại Từ, ngày 13 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 310/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024 giữa:

+ **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1988

Địa chỉ: TDP T, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

+ **Bị đơn:** Chị Văn Thị Thu H, sinh năm 1992

Địa chỉ: Xóm M, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều: 55, 81, 82 và điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 12 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh B và chị Văn Thị Thu H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh B và chị Văn Thị Thu H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh B và chị H có 01 con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 24/01/2021. Các đương sự thống nhất: Chị Văn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Thanh B cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ (ba triệu đồng)/tháng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng từ tháng 12/2024. Trường hợp anh B chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, các đương sự tự thỏa thuận về việc tính lãi suất.

Kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật, chị H có đơn yêu cầu thi hành, nếu anh B chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành. Mức lãi suất do các đương sự thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền chậm thi hành. Trường hợp không thỏa thuận được thì lãi suất được xác định bằng 50% của mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Thanh B tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nộp ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005705 ngày 12/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- UBND TT Hùng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

đã ký

